

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội và Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội và Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2008/NĐ-CP)

1. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Hồ sơ, thủ tục thành lập

1. Hồ sơ thành lập gồm:

a) Tờ trình thành lập (Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo)

Nội dung tờ trình nêu rõ:

- Sự cần thiết thành lập cơ sở bảo trợ xã hội;
- Quá trình xây dựng đề án;
- Nội dung cơ bản của đề án;
- Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

b) Đề án thành lập (Mẫu số 2 tại Phụ lục kèm theo)

Nội dung đề án gồm:

- Mục tiêu và nhiệm vụ của cơ sở bảo trợ xã hội;
- Phương án thành lập và kế hoạch hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội;
- Đối tượng tiếp nhận;
- Tổ chức bộ máy, nhân sự, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm;
- Một số thông tin cơ bản về người dự kiến làm giám đốc;
- Trụ sở làm việc (địa điểm, thiết kế) và trang thiết bị, phương tiện cần thiết;
- Kế hoạch kinh phí;
- Dự kiến hiệu quả;
- Kiến nghị của cơ quan, đơn vị trình.

c) Quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo)

Dự thảo quy chế gồm các nội dung cơ bản:

- Trách nhiệm của giám đốc và các phòng chuyên môn nghiệp vụ;
- Trách nhiệm của cán bộ, nhân viên;
- Trách nhiệm, quyền lợi của đối tượng nuôi dưỡng;
- Cơ chế quản lý tài sản, tài chính;
- Những quy định có tính chất hành chính và những vấn đề liên quan khác, phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở bảo trợ xã hội.

2. Thủ tục thành lập: Cơ quan, đơn vị đề nghị thành lập cơ sở bảo trợ xã hội gửi một bộ hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thành lập qua cơ quan thẩm định quy định tại Điều 17 Nghị định này.”

2. Điều 17 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Thẩm quyền thẩm định hồ sơ

1. Cơ quan thẩm định

a) Đối với cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thì cơ quan thẩm định là Vụ Tổ chức cán bộ hoặc Ban Tổ chức cán bộ;

b) Đối với cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì cơ quan thẩm định là Sở Nội vụ;

c) Đối với cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thẩm định là Phòng Nội vụ.

2. Trách nhiệm thẩm định

a) Cơ quan thẩm định nêu tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định này có trách nhiệm tiếp nhận và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ; trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì phải tiến hành thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Trường hợp cơ quan thẩm định xác định hồ sơ đề nghị thành lập cơ sở bảo trợ xã hội không đủ điều kiện theo quy định thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do không đủ điều kiện thành lập cơ sở bảo trợ xã hội trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

3. Khoản 4 Điều 19 được sửa đổi như sau:

“4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 19 Nghị định này phải ra quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.”

4. Khoản 3 và Khoản 4 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Hồ sơ xin giải thể cơ sở bảo trợ xã hội gồm:

a) Đơn đề nghị giải thể cơ sở bảo trợ xã hội, trong đó nêu rõ lý do xin giải thể (Mẫu số 4 Phụ lục kèm theo);

b) Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý;

c) Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể.

4. Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một bộ hồ sơ xin giải thể, người có thẩm quyền phải ra quyết định giải thể cơ sở bảo trợ xã hội. Cơ sở bảo trợ xã hội không được tự động giải thể khi chưa nhận được quyết định giải thể của người có thẩm quyền.”

5. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động

1. Khi cơ sở bảo trợ xã hội thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc hoặc quy chế hoạt động phải đề nghị bằng văn bản trước ít nhất 7 ngày làm việc với cơ quan quản lý trực tiếp và người ra quyết định thành lập.

2. Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, người ra quyết định thành lập phải trả lời bằng văn bản về đề nghị của cơ sở; quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được văn bản trả lời, thì cơ sở bảo trợ xã hội được thực hiện việc thay đổi.”

6. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi như sau:

“2. Lý lịch trích ngang của đối tượng.”

7. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Thủ tục tiếp nhận đối tượng

1. Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội

a) Đối tượng (hoặc thân nhân) phải làm đơn xin vào cơ sở bảo trợ xã hội kèm theo lý lịch trích ngang của đối tượng; nếu là người tâm thần mãn tính phải kèm 01 hồ sơ bệnh án, kết luận giám định của cơ sở y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên;

b) Trường hợp khẩn cấp phải có biên bản xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội;

c) Trường hợp đối tượng tự nguyện thì có hợp đồng thỏa thuận giữa giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội với đối tượng hoặc người đại diện của đối tượng.

2. Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp

a) Cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy trình sau:

Bước 1. Lập biên bản tiếp nhận có chữ ký của cá nhân hoặc đại diện cơ quan, đơn vị phát hiện ra đối tượng (nếu có), chính quyền (hoặc công an) cấp xã, đại diện cơ sở. Đối với đối tượng là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán và nạn nhân bị cưỡng bức lao động, biên bản tiếp nhận có chữ ký của đối tượng (nếu có thể);

Bước 2. Đánh giá về mức độ tổn thương, khả năng phục hồi và nhu cầu trợ giúp của đối tượng để có kế hoạch trợ giúp đối tượng;

Bước 3. Bảo đảm an toàn và chữa trị những tổn thương về thân thể hoặc tinh thần cho đối tượng kịp thời;

Đối với trẻ em bị bỏ rơi, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 25 ngày làm việc;

Bước 4. Quyết định nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc chuyển đối tượng về gia đình, cộng đồng;

Bước 5. Hoàn thành các thủ tục, hồ sơ của đối tượng theo quy định. Trường hợp là trẻ em bị bỏ rơi, cơ sở thực hiện các thủ tục khai sinh cho trẻ theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

b) Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở công lập. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.”

8. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 25. Hồ sơ thành lập

Hồ sơ thành lập gồm:

1. Đơn đề nghị thành lập cơ sở bảo trợ xã hội (Mẫu số 5 tại Phụ lục kèm theo);
2. Đề án thành lập cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này;
3. Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội;
4. Quy chế hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này;
5. Lý lịch trích ngang của người dự kiến làm giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc tổ chức thành lập cơ sở bảo trợ xã hội;
6. Có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó nêu rõ đồng ý hay không đồng ý nơi cơ sở bảo trợ xã hội đặt trụ sở hoạt động;
7. Văn bản thẩm định và đề nghị của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo cấp tỉnh nếu là cơ sở bảo trợ xã hội của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

9. Điều 26 được sửa đổi như sau:

“Điều 26. Thủ tục thành lập, thẩm định, giải thể, thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định này.”

10. Khoản 3 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Cơ sở bảo trợ xã hội thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, đối chiếu với các quy định tại Chương II Nghị định này để sắp xếp lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2013; cơ sở bảo trợ xã hội thành lập sau ngày Nghị định này có hiệu lực phải tuân thủ các quy định của Nghị định này.”

Điều 2. Điểm b Khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 109/2002/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh khác có các điều kiện như các doanh nghiệp, cơ sở quy định tại Điểm a Khoản này, nếu tổ chức làm thêm từ